TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2021/DS-PT
Ngày 29-01-2021
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Trúc

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Trung Dũng

Bà Nguyễn Thị Duyên Hằng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hùng Cường – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Đặng Hà Nhung – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 25 và 29 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 417/2020/TLPT-DS ngày 14 tháng 12 năm 2021 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số số 66/2020/DS-ST ngày 08 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 383/2020/QĐPT-DS, ngày 24 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trịnh Phương L, sinh năm 1952; địa chỉ: Số 8/126, khu phố N, phường V, quận Đ, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Hữu H, sinh năm 1983; địa chỉ: Tổ 48C, khu phố 7, phường C, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản uỷ quyền ngày 30/10/2019).

- *Bị đơn:* Bà Vũ Thị Hải Y, sinh năm 1971; địa chỉ: Tổ 38, Khu phố 3, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Đỗ Kim N, sinh năm 1993; địa chỉ: Khu phố 2, phường T, thị xã C, tỉnh Bình Dương; địa chỉ liện hệ: Khu phố 3, phường T, thị xã C, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 07/02/2020).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Ông Tạ T, sinh năm 1946; địa chỉ:

Chung cư I, phường A, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Vũ Thị Hải Y.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung bản án sơ thẩm:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Bà Trịnh Phương L và bà Vũ Thị Hải Y, ông Vũ Lê V là chỗ quen biết thân thiết với nhau. Do bà Vũ Thị Hải Y và ông Vũ Lê V (em ruột bà Y) cần tiền làm ăn nên bà Y và ông V có đến gặp bà L để vay tiền nhiều lần và đến ngày 15/12/2011 viết giấy vay tiền là 885.000.000 đồng (tám trăm tám mươi lăm triệu đồng). Bà Y, ông V đã ký xác nhận tại giấy vay tiền trên. Số tiền này bà L, bà Y và ông V thống nhất bà Y có trách nhiệm trả cho bà L.

Bà L đã nhiều lần yêu cầu nhưng bà Y không trả, đến thời điểm hiện nay bà Y chưa thanh toán số tiền trên cho bà L. Do đó, bà L khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết buộc bà Vũ Thị Hải Y phải trả số tiền vay theo giấy vay tiền ngày 15/12/2011 là 885.000.000 đồng (tám trăm tám mươi lăm triệu đồng), tiền lãi từ tính ngày 15/12/2011 đến ngày Tòa án thụ lý với mức lãi suất 1%/tháng là 831.900.000 đồng (tám trăm ba mươi mốt triệu chín trăm nghìn đồng); tổng số tiền yêu cầu là 1.716.900.000 đồng (một tỷ bảy trăm mười sáu triệu chín trăm nghìn đồng).

Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi tính trên số tiền vay 885.000.000 đồng là 831.900.000 đồng.

Bị đơn bà Vũ Thị Hải Y và người đại diện hợp pháp của bị đơn là bà Đỗ Kim N trình bày:

Năm 2010, do cần tiền nên bà Y và ông Vũ Lê V (em bà Y) có vay của bà Trịnh Phương L số tiền 7.400.000.000 đồng (bảy tỷ bốn trăm triệu đồng), lãi suất 2%/tháng, do bà L không có tiền nên bà L đứng ra vay tiền người khác để đưa tiền lại cho ông V, bà Y; sau khi nhận đủ tiền thì hàng tháng bà Y thanh toán tiền lãi là 170.200.000 đồng cho đến tháng 7/2011; từ tháng 8/2011 đến tháng 12/2011, bà Y không thanh toán được và bà Y mất khả năng chi trả nên bà L có liên hệ với bà Y và ông V xác nhận số tiền lãi từ tháng 8/2011 đến tháng 12/2011. Do đó, bà Y, ông V và bà L có lập thành Giấy vay tiền ngày 15/12/2011 để ghi nhận số tiền còn nợ mỗi tháng tính từ tháng 8/2011. Số tiền này, bà L, bà Y và ông V tổng kết đến ngày 15/12/2011 và vay thêm số tiền là 34.000.000 đồng (ba mươi bốn triệu đồng), thực tế là tiền lãi những ngày lẻ của tháng 12/2011, tổng số tiền bà Y và ông V xác nhận đến ngày 15/12/2011 là 885.000.000 đồng (tám trăm tám mươi lăm triệu đồng).

Sau đó, đến ngày 26/12/2011 bà Y, ông V và bà L có thỏa thuận chia số tiền nợ gốc 7.400.000.000 đồng ra và bà Y viết giấy vay 3.700.000.000 đồng, ông V 3.700.000.000 đồng. Đồng thời, bà L có nói miệng với bà Y là số tiền 885.000.000 đồng (tám trăm tám mươi lăm triệu đồng) cộng vào số tiền 3.700.000.000 đồng (ba tỷ bảy trăm triệu đồng) và bà đã thanh toán đầy đủ khoản vay gốc trên cho bà L. Ngoài ra, bà Vũ Thị Hải Y cho rằng đã trả lãi suất cho bà L từ tháng 01/2010 đến tháng

7/2011 trên số tiền gốc 7.400.000.000 đồng, mỗi tháng 170.200.000 đồng với số tiền lãi đã trả là 2.179.300.000 đồng và nếu tính theo lãi suất quy định của pháp luật 9%/năm thì mỗi tháng lãi suất bà phải trả cho bà L chỉ có 55.500.000 đồng và số tiền lãi bà Y phải trả từ tháng 8/2011 đến tháng 12/2011 là 05 tháng x với mỗi tháng 55.500.000 đồng = 277.500.000 đồng, cộng với 34.000.000 đồng vay thêm = 311.500.000 đồng, như vậy bà Y đã trả dư và bà L còn nợ lại bà Y số tiền lãi suất là 2.179.300.000 đồng – 311.500.000 đồng = 1.867.800.000 đồng.

Do đó, bà Y không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trịnh Phương L. Bà Y yêu cầu áp dụng thời hiệu để đình chỉ giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Tạ T trình bày: Ông T không biết việc vay mượn giữa bà L, bà Y và ông V. Tuy nhiên sau khi sự việc xảy ra, bà Y không trả nợ nên bà L nói với ông thì ông mới biết, ông phải dùng một phần tiền của mình để cùng bà L trả cho các chủ nợ, một phần bà L vay bạn bè. Hiện nay, ông T thống nhất theo yêu cầu khởi kiện của bà L, không bổ sung gì thêm.

Tại Bản án sơ thẩm số 66/2020/DS-ST ngày 08/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố T đã quyết định:

1. Chấp nhận việc rút phần yêu cầu cầu khởi kiện của nguyên đơn với yêu cầu tiền lãi trên số tiền 885.000.00 đồng tính từ ngày 15/12/2011 đến ngày Tòa án thụ lý (mức lãi suất 1%/tháng), số tiền là 831.900.000 đồng. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn bà Vũ Thị Hải Y về việc vay tài sản.

Buộc bà Vũ Thị Hải Y có trách nhiệm trả cho bà Trịnh Phương L số tiền 885.000.000 đồng (tám trăm tám mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, trách nhiệm thi hành án và quyền kháng cáo.

Sau khi có bản án sơ thẩm, ngày 12/10/2020, bị đơn bà Vũ Thị Hải Y có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và cho rằng tổng số tiền 885.000.000 đồng là tiền vay gốc không phải tiền lãi; trong đó có 34.000.000 đồng do cá nhân bà Y vay thêm, số tiền còn lại có nguồn gốc là tiền nợ lãi từ tháng 8 đến tháng 12/2011 trên số tiền vay 7.400.000.000 đồng của bà Y và ông V; số tiền 7.400.000.000 đồng do bà L đi vay dùm bà Y và ông V với lãi suất 2%/tháng nên từ tháng 8 đến tháng 12/2011, bà Y và ông V không đưa tiền lãi để bà L trả cho người mà bà L vay nên bà L phải đi vay mượn bên ngoài trả lãi hàng tháng thay cho ông V, bà Y. Đến ngày 15/12/2011, bà Y, ông V và bà L chốt lại nợ vay nên đã thống nhất chuyển số tiền lãi bà L đã trả thay bà Y, ông V thành số tiền bà L cho bà Y vay và thỏa thuận do bà Y chịu trách nhiệm trả số tiền 885.000.000 đồng nhưng đến nay bà Y

không trả. Riêng số tiền vay gốc 7.400.000.000 đồng, sau khi chia nợ (bà Y chịu trách nhiệm trả 3.700.000.000 đồng; ông V chịu trách nhiệm trả 3.700.000.000 đồng) thì đến nay, ông V và bà Y đã trả hết cho bà L.

Bị đơn có yêu cầu giải quyết vắng mặt nên các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện tại các hồ sơ khởi kiện năm 2019, nguyên đơn và bị đơn đều xác định số tiền 885.000.000 đồng là tiền lãi trên số nợ vay gốc 7.400.000.000 đồng, là khoản vay chung giữa bà Y và ông V. Đến tháng 12/2011, các bên thỏa thuận chia tiền vay gốc cho ông V và bà Y mỗi người trả 3.700.000.000 đồng, còn tiền nợ lãi do bà Y trả. Đến nay, toàn bộ số tiền vay gốc ông V, bà Y đã trả hết mà không đề cập đến khoản lãi này. Các bên thống nhất xác định khoản nợ lãi phát sinh từ khoản vay chung giữa ông V và bà Y nên trong vụ án này nếu không đưa ông V tham gia tố tụng là chưa đủ cơ sở để giải quyết vụ án. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền 885.000.000 đồng là nợ vay, lãi suất 2,3%/tháng, khoản nợ này xuất phát từ khoản vay 7.400.000.000 đồng, không phải là tiền vay thực, các bên không giao nhận khoản tiền này. Do đó, việc nguyên đơn xác định nợ gốc đã trả xong, nay lại yêu cầu trả khoản nợ lãi này là chưa phù hợp. Tòa án cấp sơ thẩm chưa đánh giá làm rõ thực chất của số tiền 885.000.000 đồng, nghĩa vụ của ông V, bà Y, không đưa ông V tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự để hủy bản án dân sự sơ thẩm và giao hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thẩm quyền.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự và ý kiến của Kiểm sát viên,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Bị đơn bà Vũ Thị Hải Y cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm tố tụng do bà Hồ Thị H đã là Thẩm phán mà tiến hành tố tụng với tư cách là thư ký phiên tòa. Xét theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự thì Thư ký phiên tòa là một trong những người tiến hành tố tụng và là một chức danh tư pháp để chỉ người có nhiệm vụ giúp đỡ Hội đồng xét xử trong phiên tòa mà không có quy định nào của luật quy định Thẩm phán không thể tham gia tố tụng với nhiệm vụ Thư ký phiên tòa.

[1.2] Bà Y cho rằng chưa được tiếp cận chứng cứ nên không biết nguyên đơn kiện gì là không có căn cứ. Bởi lẽ, suốt quá trình tố tụng bà Y và người đại diện theo ủy quyền của bà Y là bà Đỗ Kim N đã được Tòa án cấp sơ thẩm tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng, giấy triệu tập của Tòa án nhưng bà Y, bà N không đến Tòa án để thực hiện quyền và nghĩa vụ theo luật định mà bà Y chỉ gửi vản bản ý kiến qua đường bưu

điện nên việc bà Y cho rằng không biết nguyên đơn kiện nội dung gì là không có căn cứ.

[1.3] Quá trình giải quyết vụ án, bà L, bà Y đều xác định giữa bà L, bà Y và ông V đã thống nhất số tiền lãi này do bà Y có trách nhiệm trả cho bà L; ông V ký vào Giấy vay tiền ngày 15/11/2011 là vì ông V là người cùng bà Y vay tiền, ông V ký tên để xác nhận lại điều này (bút lục 88); bà L đề nghị không đưa ông V tham gia tố tụng vì không liên quan đến quyền, nghĩa vụ của ông V. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà L cũng xác nhận số tiền 885.000.000 đồng là do bà Y có trách nhiệm trả cho bà L, không liên quan đến ông V. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định trách nhiệm trả nợ là của bà Y nên không đưa ông Vũ Lê V vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là có căn cứ.

[2] Về nội dung:

[2.1] Nguyên đơn bà Trịnh Phương L khởi kiện bị đơn bà Vũ Thị Hải Y yêu cầu thanh toán tiền nợ vay 885.000.000 đồng theo Giấy vay tiền ngày 15/12/2011.

Bị đơn bà Vũ Thị Hải Y xác định năm 2010, bà Y và ông Vũ Lê V (em trai bà Y) có vay của bà Trịnh Phương L số tiền 7.400.000.000 đồng, lãi suất 2%/tháng, hàng tháng bà Y thanh toán tiền lãi là 170.200.000 đồng cho đến tháng 7/2011; từ tháng 8/2011 đến tháng 12/2011, bà Y không thanh toán tiền lãi được cho bà L nên bà L, bà Y và ông V xác nhận số tiền lãi từ tháng 8/2011 đến tháng 12/2011 và lập Giấy vay tiền ngày 15/12/2011; đồng thời, bà Y và ông V có vay thêm số tiền là 34.000.000 đồng. Do đó, tổng số tiền bà Y và ông V xác nhận đến ngày 15/12/2011 là 885.000.000 đồng. Bà Y xác định đã thanh toán hết nợ gốc cho bà L và trả lãi vượt quá lãi suất theo quy định của pháp luật cho bà L. Bà Y cho rằng số tiền 885.000.000 đồng là tiền lãi của số nợ vay 7.400.000.000 đồng, đây không phải là hợp đồng vay tài sản và đã hết thời hiệu khởi kiện nên yêu cầu áp dụng thời hiệu để đình chỉ giải quyết vụ án theo quy định tại Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Nguyên đơn, bị đơn thừa nhận nội dung các chứng cứ sau:

[3.1] Theo Giấy vay tiền ngày 15/12/2011 (bút lục 07) có nội dung: *"Tôi tên: Vũ Thị Hải Y... Tôi có vay của bà Trịnh Phương L... số nợ vay hàng tháng như sau:*

Tháng 8/2011: 170,2 triệu đồng

Tháng 9/2011: 170,2 triệu đồng

Tháng 10/2011: 170,2 triệu đồng

Tháng 11/2011: 170,2 triệu đồng

Tháng 12/2011: 170,2 triệu đồng

Vay thêm 34 triệu đồng

Tổng cộng đến ngày 15/12/2011 số vay là 885 triệu đồng"

Phần cuối của giấy vay tiền trên có ghi "Xác nhận bởi" có chữ ký, họ tên Vũ Thị Hải Y, Trịnh Phương L, Vũ Lê V.

[3.2] Theo Giấy vay tiền ngày 26/12/2011 (bút lục 09) có nội dung: *" Tôi tên: Vũ Thị Hải Y... Tôi có vay 3,7 tỷ đồng của bà Trịnh Phương L... nay đã trả được 02 tỷ đồng, số nợ còn lại là 1,7 tỷ đồng. Ngày trả chậm nhất là 15/02/2012*".

Phần cuối của giấy vay tiền có ghi "Xác nhận bởi" có chữ ký, họ tên Vũ Thị Hải Y, Trịnh Phương L.

[3.3] Theo Giấy vay tiền ngày 26/12/2011 (bút lục 08) có nội dung: *" Tôi tên: Vũ Lê V… Tôi có vay 3,7 tỷ đồng của bà Trịnh Phương L… Toàn bộ phần lãi phát sinh do cô Vũ Thị Hải Y, CMND số: 024470673 do CA TP HCM cấp chịu thanh toán từ tháng 8/2011*".

Phần cuối của giấy vay tiền có ghi "Xác nhận bởi" có chữ ký, họ tên Vũ Thị Hải Y, Trịnh Phương L.

Ngoài ra, ở mặt sau của giấy vay tiền này có nội dung: *"Đến ngày 31/3/2013, số nợ còn lại là 2.330.000.000đ … cô Yến vẫn chịu lãi như cũ"*. Phần cuối có chữ ký và họ tên Vũ Lê V; chữ ký và ghi tên "L"; chữ ký và ghi tên "Y".

[3.4] Từ các chứng cứ nêu trên thể hiện rõ giao dịch vay tài sản giữa bà Trịnh Phương L, bà Vũ Thị Hải Y và ông Vũ Lê V về khoản vay chung của bà Y và ông V là 7.400.000.000 đồng và việc chia nợ cho bà Y, ông V, mỗi người chịu trách nhiệm trả số tiền 3.700.000.000 đồng. Riêng bà Y phải trả thêm khoản nợ cho bà L theo Giấy vay tiền ngày 15/12/2011.

[4] Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng bà Y biết rõ số tiền bà L cho bà Y, ông V vay là tiền bà L đi vay của người khác để cho bà Y, ông V vay; bà Y và ông V cũng đồng ý nên mới thống nhất với số tiền lãi suất phải trả và đã chuyển số tiền lãi từ tháng 8/2011 đến tháng 12/2011 mà bà Y chưa thanh toán được thành tiền vay của bà L và vay thêm số tiền 34.000.000 đồng là mâu thuẫn với chứng cứ do Tòa án thu thập được có trong hồ sơ vụ án thụ lý số 74/2019/TLST-DS ngày 13/3/2019 giữa nguyên đơn bà Trịnh Phương L khởi kiện bị đơn bà Vũ Thị Hải Y yêu cầu bà Y thanh toán tiền vay 885.000.000 đồng theo Giấy vay tiền ngày 15/12/2011, được giải quyết theo Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 127/2019/QĐST-DS ngày 24/10/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một thể hiện tại Biên bản đối chất ngày 07/6/2019 (bút lục 87 - 88). Xét, tại biên bản đối chất này, bà L thừa nhận số tiền 885.000.000 đồng là tiền lãi trên số nợ gốc 7.400.000.000 đồng. Mặt khác, tại phiên tòa phúc thẩm bà L cho rằng số tiền 885.000.000 đồng mặc dù xuất phát từ tiền lãi còn nợ từ tháng 8 đến tháng 12/2011, tuy nhiên do trong thời gian này bà Y và ông V không đưa tiền lãi cho bà L để trả lãi cho những người bà L vay tiền nên bà L phải đi vay bên ngoài lấy tiền trả lãi hàng tháng 170.200.000 đồng thay bà Y và ông V nên đến ngày 15/12/2011, bà L, bà Y và ông V chốt nợ mới thống nhất chuyển số tiền mỗi tháng 170.200.000 đồng trong năm tháng là 851.000.000 đồng thành tiền bà Y vay của bà L và bà Y vay thêm số tiền 34.000.000 đồng, nhưng lời khai này của bà L không được bị đơn chấp nhận, bà L cũng không chứng minh được việc bà L đi vay tiền của người khác số tiền 7.400.000.000 đồng, lãi suất 2%%/tháng để cho bà Y, ông V vay lại với lãi suất 2%/tháng mà lãi suất bà L cho bà Y và ông V là 2,3%/tháng; bà L không cung cấp chứng cứ nào khác xác định việc chuyển nợ lãi thành nợ vay. Trong các văn bản ý kiến do bà Y gửi qua đường bưu điện cho Tòa án đều xác định toàn bộ số tiền 885.000.000 đồng là tiền lãi vay. Đồng thời, chính bà L cũng sử dụng chứng cứ là Giấy vay tiền ngày 26/12/2011 (bút lục 08) của ông V để cho rằng trách nhiệm trả số tiền 885.000.000 đồng là của bà Y, điều này khẳng định thêm số tiền 885.000.000 đồng là tiền nợ lãi, không phải tiền vay gốc vì trong giấy vay tiền này chỉ đề cập bà Y chịu trách nhiệm trả nợ lãi phát sinh và tại phiên tòa phúc thẩm, bà L cũng thừa nhận đây là

số tiền xuất phát từ tiền lãi của số nợ 7.400.000.000 đồng. Như vậy, có căn cứ xác định số tiền 885.000.000 đồng theo Giấy vay tiền ngày 15/12/2011 là tiền lãi của số nợ vay 7.400.000.000 đồng, không phải tiền vay gốc.

[5] Mặt khác, năm 2017 bà L đã khởi kiện bà Y theo Giấy vay tiền ngày 26/12/2011 (bút lục 07) đã được thụ lý vụ án số 389/2017/TLST-DS ngày 16/10/2017 và được giải quyết theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 108/2017/QĐST-DS ngày 13/11/2017 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương. Nội dung vụ án này, bà Trịnh Phương L khởi kiện bà Vũ Thị Hải Y yêu cầu bà Y thanh toán tiền vay gốc là 900.000.000 đồng (số tiền gốc còn lại trong tổng số tiền vay 3.700.000.000 đồng theo Giấy vay tiền ngày 26/12/2011); các bên không đề cập bất kỳ số nợ lãi nào có liên quan đến nợ vay và quyết định cũng chỉ ghi nhận bà Y phải trả cho bà L số tiền 900.000.000 đồng. Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn thừa nhận đến nay ông V và bà Y đã trả toàn bộ số nợ vay gốc 7.400.000.000 đồng cho nguyên đơn.

[6] Hơn nữa, theo quy định tại Điều 476 của Bộ luật Dân sự 2005 và Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thì mức lãi suất quy định không vượt quá 150% lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định, cụ thể 150% x 9%/năm = 13,5%/năm, tương đương với 1,125%/tháng, trong khi lãi suất vay theo lời thừa nhận của bà L, bà Y là 2,3%/năm đã vượt quá lãi suất theo quy định của pháp luật.

[7] Từ những phân tích nêu trên nhận thấy, hợp đồng vay tài sản giữa bà L và bà Y đã chấm dứt kể từ thời điểm Tòa án nhân dân thành phố T ban hành quyết định công nhận sự thỏa thuận nêu trên; tiền lãi phải xuất phát từ tiền vay gốc, không thể tách rời tiền vay gốc, là căn cứ xác định việc vi phạm nghĩa vụ của các bên tham gia giao dịch vay tài sản, phải được giải quyết trong cùng một mối quan hệ, có xem xét đến việc trả lãi vượt quá lãi suất luật định để điều chỉnh, tính toán lại cho đúng pháp luật mới giải quyết toàn diện giao dịch vay tài sản nhưng đến nay, bị đơn và ông V đã thanh toán xong nợ gốc cho bà L nên việc bà L tranh chấp tiền lãi sau khi trả nợ gốc là không phù hợp nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có căn cứ. Kháng cáo của bị đơn là có cơ sở chấp nhận. Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tại phiên tòa là chưa phù hợp. Do đó, cần sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[8] Án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm: Người kháng cáo không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 148, khoản 2 Điều 308, Điều 309, Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 471, 476 của Bộ luật Dân sự 2005;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Vũ Thị Hải Y.

2. Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 66/2020/DS-ST ngày 08 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương như sau:

2.1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trịnh Phương L đối với bị đơn bà Vũ Thị Hải Y về số tiền lãi trên số tiền 885.000.000 đồng tính từ ngày 15/12/2011 đến ngày Tòa án thụ lý với số tiền 831.900.000 đồng.

2.2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trịnh Phương L đối với bị đơn bà Vũ Thị Hải Y về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Giấy vay tiền ngày 15/12/2011.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trịnh Phương L được miễn.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Vũ Thị Hải Y không phải chịu. Trả cho bà Vũ Thị Hải Y 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0050538 ngày 16/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS thành phố T;
- TAND thành phố T;
- Các đương sự;
- Lưu: HCTP, HSVA, Tòa Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Thanh Trúc